

Số: 33/2023/QĐST-DS

Bù Đăng, ngày 16 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà N, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 4, KP. X, P. T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước.

- **Bị đơn:** Ông T, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông T1, sinh năm 1971

2. Bà S, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên thống nhất ông T1 và bà S có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 27.747.345.000đ, làm tròn 27.747.000.000đ (Hai mươi bảy tỷ, bảy trăm, bốn mươi bảy triệu đồng). Mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Cụ thể ông T1 trả

13.873.500.000đ, bà S trả 13.873.500.000đ.

Phương thức trả nợ: Trả dần trong 14 năm; 13 năm đầu mỗi người có nghĩa vụ trả 1.000.000.000đ (một tỷ đồng)/ 01 năm; năm thứ 14 trả số tiền còn lại là 873.500.000đ/ 01 người; Thời điểm trả tiền hạn cuối hàng năm là ngày 07 tháng 8; Hạn trả tiền lần đầu tiên là ngày 07/8/2024.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông T1, bà S có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm vụ án là 174.736.725đ (làm tròn là 174.736.000đ); ông T1 nộp 87.368.000đ, bà S nộp 87.368.000đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.874.000đ theo Biên lai thu tiền số: 0000410 ngày 05/5/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

NGUYỄN VĂN HUỆ

